

qKetQua_HD_Export_Excel																	
Mã HD	Tên HD	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	HL6	HL7	HL8	HL9	ĐBQ	TBcn	Văn	Toán	Anh	U'TKK	Ghi chú U'TKK	Điểm XT Liệt
04	THPT Lý Thường Kiệt	040001	HUỖNH NHẬT BÌNH AN	Nữ	12/07/2006	8.30	7.60	7.80	7.60		7.83	5.25	5.50	3.25	0.00		32.58
04	THPT Lý Thường Kiệt	040002	LÂM NHẬT AN	Nam	18/11/2006	7.30	8.00	7.60	7.40		7.58	4.75	6.00	4.25	0.00		33.33
04	THPT Lý Thường Kiệt	040003	LÊ HOÀNG AN	Nam	31/03/2006	8.20	8.00	8.30	7.90		8.10	8.00	6.00	4.50	0.00		40.60
04	THPT Lý Thường Kiệt	040004	NGUYỄN HUỖNH GIA AN	Nam	12/02/2006	7.60	7.70	7.70	7.40		7.60	6.50	3.25	5.75	0.00		32.85
04	THPT Lý Thường Kiệt	040005	NGUYỄN QUỐC BẢO AN	Nam	22/05/2006	7.50	7.30	7.30	8.00		7.53	3.50	8.00	7.50	0.00		38.03
04	THPT Lý Thường Kiệt	040006	NGUYỄN THÁI AN	Nam	27/09/2006	8.10	8.20	8.20	7.00		7.88	5.00	5.25	5.25	0.00		33.63
04	THPT Lý Thường Kiệt	040007	PHẠM THỊ THUỶ AN	Nữ	16/05/2006	8.80	9.20	8.90	8.30		8.80	6.25	5.25	3.25	0.00		35.05
04	THPT Lý Thường Kiệt	040008	PHAN THỊ THU AN	Nữ	21/09/2006	8.00	7.50	7.30	7.40		7.55	5.00	4.25	2.75	0.00		28.80
04	THPT Lý Thường Kiệt	040009	TRẦN THÁI AN	Nam	23/08/2006	8.90	8.70	9.10	8.40		8.78	7.00	7.00	4.25	0.00		41.03
04	THPT Lý Thường Kiệt	040010	DƯƠNG MỸ ANH	Nữ	11/04/2006	9.00	9.10	8.70	7.60		8.60	5.25	3.25	3.00	0.00		28.60
04	THPT Lý Thường Kiệt	040011	ĐÀO VŨ TÚ ANH	Nữ	18/10/2006	9.40	9.40	9.30	9.10		9.30	8.50	8.50	7.00	0.00		50.30
04	THPT Lý Thường Kiệt	040012	ĐIỀN TUẤN ANH	Nam	20/07/2006	8.20	7.90	8.20	7.60		7.98	5.75	6.25	5.75	0.00		37.73
04	THPT Lý Thường Kiệt	040013	HUỖNH MINH ANH	Nữ	30/11/2006	7.50	7.90	7.90	7.20		7.63	6.00	4.00	3.25	0.00		30.88
04	THPT Lý Thường Kiệt	040014	HUỖNH NGUYỄN NGỌC ANH	Nữ	04/12/2006	7.20	7.70	8.00	7.00		7.48	6.50	4.25	2.00	0.00		30.98
04	THPT Lý Thường Kiệt	040015	LŨƠNG HIẾN ANH	Nam	09/04/2006	8.00	7.80	8.20	8.30		8.08	7.00	6.50	4.50	0.00		39.58
04	THPT Lý Thường Kiệt	040016	NGÔ HOÀNG TRÂM ANH	Nữ	14/01/2006	8.70	9.20	8.60	7.60		8.53	6.25	5.50	5.50	0.00		37.53
04	THPT Lý Thường Kiệt	040017	NGÔ THỊ KIM ANH	Nữ	03/08/2006	7.70	7.10	7.90	6.90		7.40	5.00	3.75	3.50	0.00		28.40
04	THPT Lý Thường Kiệt	040018	NGUYỄN BUI VĂN ANH	Nữ	02/03/2006	9.00	9.30	9.40	9.20		9.23	6.25	8.00	8.00	0.00		45.73
04	THPT Lý Thường Kiệt	040019	NGUYỄN HOÀI ANH	Nam	01/02/2006	8.30	8.70	8.60	8.30		8.48	6.25	6.00	6.00	0.50	DT	39.48
04	THPT Lý Thường Kiệt	040020	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG ANH	Nữ	04/07/2006	7.40	7.50	7.30	7.50		7.43	4.50	5.25	4.00	0.00		30.93
04	THPT Lý Thường Kiệt	040021	PHẠM HUỖNH ANH	Nữ	21/11/2006	8.30	7.60	6.90	7.70		7.63	5.75	3.25	3.00	0.00		28.63
04	THPT Lý Thường Kiệt	040022	PHẠM MINH ANH	Nữ	19/06/2006	5.70	5.50	6.50	5.60		5.83	2.75	3.00	3.75	0.00		21.08
04	THPT Lý Thường Kiệt	040023	PHẠM NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	12/06/2006	9.50	9.40	9.30	8.80		9.25	5.75	5.00	6.50	0.00		37.25
04	THPT Lý Thường Kiệt	040024	PHAN HUẾ ANH	Nữ	10/07/2006	8.40	8.40	8.70	8.50		8.50	5.00	5.50	5.50	0.00		35.00
04	THPT Lý Thường Kiệt	040025	TẠ LÊ MINH ANH	Nam	28/09/2006	8.00	8.40	8.60	8.20		8.30	6.50	5.75	6.25	0.50	DT	39.55
04	THPT Lý Thường Kiệt	040026	THÁI LAN ANH	Nữ	10/09/2006	9.10	9.50	9.60	9.00		9.30	7.50	8.00	8.00	0.00		48.30
04	THPT Lý Thường Kiệt	040027	TRẦN HUỖNH ANH	Nữ	24/01/2006	7.70	7.70	7.50	7.20		7.53	3.50	1.75	3.25	0.00		21.28
04	THPT Lý Thường Kiệt	040028	TRẦN NGỌC TRÂM ANH	Nữ	25/05/2006	9.10	8.40	8.90	7.90		8.58	3.50	4.75	4.00	0.00		29.08
04	THPT Lý Thường Kiệt	040029	TRẦN NHẬT ANH	Nam	13/10/2006	6.20	6.10	6.40	6.40		6.28	2.50	3.00	3.00	0.00		20.28
04	THPT Lý Thường Kiệt	040030	VÕ MINH ANH	Nữ	21/11/2006	8.10	8.20	7.70	7.80		7.95	4.25	4.75	3.75	0.00		29.70
04	THPT Lý Thường Kiệt	040031	HÀ NHẬT ÁNH	Nữ	12/07/2006	8.50	8.20	8.20	8.00		8.23	6.25	3.50	3.75	0.00		31.48
04	THPT Lý Thường Kiệt	040032	TRẦN HƯƠNG NGUYỄN NGỌC ÁNH	Nữ	08/09/2006	6.40	7.10	7.00	7.00		6.88	3.50	3.75	3.00	0.00		24.38
04	THPT Lý Thường Kiệt	040033	NGUYỄN HOÀNG ÂN	Nam	05/12/2006	7.70	7.40	7.10	7.60		7.45	6.25	6.50	4.00	0.00		36.95
04	THPT Lý Thường Kiệt	040034	NGUYỄN TRƯỞNG ÂN	Nam	08/12/2006	7.40	7.30	8.00	7.10		7.45	5.50	3.25	3.50	0.00		28.45
04	THPT Lý Thường Kiệt	040035	CHÂU GIA BAO	Nam	16/10/2006	8.00	7.40	6.90	7.10		7.35	4.50	3.50	3.75	0.00		27.10
04	THPT Lý Thường Kiệt	040036	DƯƠNG GIA BẢO	Nam	07/07/2006	6.60	7.40	7.30	7.30		7.15	6.00	3.50	2.75	0.00		28.90
04	THPT Lý Thường Kiệt	040037	LÊ ANH BẢO	Nam	14/11/2006	8.70	8.40	8.50	8.40		8.50	7.00	8.00	9.25	0.00		47.75
04	THPT Lý Thường Kiệt	040038	LÝ GIA BẢO	Nam	23/08/2006	7.40	7.70	7.60	7.60		7.58	5.00	7.75	3.50	0.00		36.58
04	THPT Lý Thường Kiệt	040039	NGÔ THÀNH BẢO	Nam	10/02/2006	8.40	8.50	8.50	8.30		8.43	7.25	7.25	3.00	0.00		40.43
04	THPT Lý Thường Kiệt	040040	PHẠM HỒNG GIA BẢO	Nam	22/11/2006	8.00	8.30	8.70	8.30		8.33	8.00	8.00	8.75	0.00		49.08
04	THPT Lý Thường Kiệt	040041	TRẦN QUỐC BẢO	Nam	09/02/2006	8.60	8.90	8.90	8.50		8.73	7.25	7.00	3.00	0.00		40.23
04	THPT Lý Thường Kiệt	040042	TRẦN QUỐC BẢO	Nam	15/08/2006	8.80	8.50	8.40	8.10		8.45	7.75	6.50	4.75	0.00		41.70
04	THPT Lý Thường Kiệt	040043	NGUYỄN NGỌC THANH BÌNH	Nữ	14/05/2006	5.90	6.40	7.10	6.50		6.48	4.75	5.25	2.50	0.00		28.98
04	THPT Lý Thường Kiệt	040044	PHẠM NGUYỄN THY BÌNH	Nữ	09/07/2006	9.20	9.00	9.10	8.40		8.93	7.75	5.75	4.25	0.00		40.18
04	THPT Lý Thường Kiệt	040045	TRẦN GIA BÌNH	Nữ	17/11/2006	9.20	9.10	9.00	8.50		8.95	3.00	7.50	7.50	0.00		37.45
04	THPT Lý Thường Kiệt	040046	BUI PHƯỚC CHÂU	Nam	10/03/2006	8.90	8.80	8.80	8.50		8.75	6.50	7.00	7.50	0.00		43.25
04	THPT Lý Thường Kiệt	040047	LÂM NGỌC CHÂU	Nữ	21/09/2006	7.80	8.60	9.00	8.40		8.45	6.75	7.50	4.50	0.00		41.45
04	THPT Lý Thường Kiệt	040048	LÊ HỒNG CHÂU	Nữ	25/07/2006	9.00	8.80	9.30	9.20		9.08	6.50	8.00	4.00	0.00		42.08
04	THPT Lý Thường Kiệt	040049	NGUYỄN HỒNG CHÂU	Nữ	01/07/2006	8.90	9.10	8.70	8.20		8.73	6.00	4.75	4.75	0.00		34.98
04	THPT Lý Thường Kiệt	040050	PHẠM BẢO CHÂU	Nữ	23/10/2006	8.30	8.10	8.40	8.10		8.23	7.00	8.00	6.00	0.00		44.23
04	THPT Lý Thường Kiệt	040051	TRẦN NGUYỄN NGỌC CHÂU	Nữ	13/09/2006	8.40	8.50	8.70	8.30		8.48	5.50	6.75	3.25	0.00		36.23
04	THPT Lý Thường Kiệt	040052	VÕ NGỌC MINH CHÂU	Nữ	26/11/2006	9.00	9.10	9.20	8.90		9.05	5.75	7.75	7.25	0.00		43.30
04	THPT Lý Thường Kiệt	040053	VÕ THỊ KIM CHI	Nữ	20/01/2006	9.30	9.50	9.20	8.30		9.08	5.25	7.50	5.25	0.00		39.83
04	THPT Lý Thường Kiệt	040054	NGÔ QUỐC CHÍ	Nam	28/10/2006	7.30	6.70	7.30	7.30		7.15	3.50	5.00	3.75	0.00		27.90
04	THPT Lý Thường Kiệt	040055	VŨ TRẦN CHIẾN	Nam	27/06/2006	8.40	8.20	8.30	8.20		8.28	4.50	6.50	4.00	0.00		34.28
04	THPT Lý Thường Kiệt	040056	NGÔ HUỖNH THỦY CHUNG	Nữ	29/10/2006	9.20	9.40	9.40	9.20		9.30	8.00	8.00	9.00	0.00		50.30
04	THPT Lý Thường Kiệt	040057	HÀ NGUYỄN CHUÔNG	Nam	13/04/2006	8.50	8.70	8.80	8.60		8.65	7.50	7.50	2.00	0.00		40.65
04	THPT Lý Thường Kiệt	040058	JESSICA THAO COZENS	Nữ	11/09/2006	8.20	8.00	8.10	7.10		7.85	5.00	4.75	3.75	0.00		31.10
04	THPT Lý Thường Kiệt	040059	NGUYỄN TRUNG CƯỜNG	Nam	19/09/2006	8.60	7.50	7.90	7.50		7.88	3.75	4.25	5.00	0.00		28.88
04	THPT Lý Thường Kiệt	040060	PHAN LÊ TRUNG CƯỜNG	Nam	20/05/2006	9.00	9.30	9.20	8.80		9.08	5.25	8.00	8.00	0.00		43.58
04	THPT Lý Thường Kiệt	040061	NGUYỄN DUY CƯỜNG	Nam	11/04/2006	8.00	8.00	8.00	7.80		7.95	4.50	4.50	7.75	0.00		33.70
04	THPT Lý Thường Kiệt	040062	LÊ TRIỆU KHẢ DI	Nữ	10/07/2006	7.10	7.40	7.70	6.80		7.25	4.50	4.00	4.00	0.00		28.25
04	THPT Lý Thường Kiệt	040063	TRẦN ĐẶNG NGỌC DIỆM	Nữ	28/04/2006	9.30	9.00	8.90	8.20		8.85	6.50	7.00	6.50	0.00		42.35
04	THPT Lý Thường Kiệt	040064	ĐỖ THỊ NGỌC DIỆU	Nữ	24/01/2006	9.10	8.80	8.80	8.60		8.83	6.00	5.25	5.00	0.00		36.33
04	THPT Lý Thường Kiệt	040065	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆU	Nữ	17/01/2006	7.40	7.70	7.70	7.40		7.55	5.75	4.25	4.75	0.50	DT	32.80
04	THPT Lý Thường Kiệt	040066	LÊ NGỌC DUNG	Nữ	18/04/2006	9.30	9.10	8.60	7.90		8.73	4.50	5.00	3.75	0.00		31.48
04	THPT Lý Thường Kiệt	040067	NGUYỄN THỊ THỦY DUNG	Nữ	19/05/2006	8.70	9.00	9.30	8.90		8.98	6.00	8.00	4.00	0.00		40.98
04	THPT Lý Thường Kiệt	040068	ĐOÀN NHẬT DUY	Nam	12/06/2006	6.70	6.70	7.20	7.00		6.90	5.25	6.25	7.00	0.00		36.90
04	THPT Lý Thường Kiệt	040069	LÊ TÙNG DUY	Nam	15/05/2006	7.40	6.90	7.30	7.00		7.15	5.25	2.75	5.25	0.00		28.40
04	THPT Lý Thường Kiệt	040070	MAI HOÀNG DUY	Nam	03/08/2006	6.70	7.30	6.80	7.10		6.98	5.50	3.25	6.75	0.00		31.23
04	THPT Lý Thường Kiệt	040071	NGUYỄN ĐỨC DUY	Nam	20/09/2006	7.30	7.50	7.00	7.70		7.38	5.25	5.75	3.75	0.00		33.13
04	THPT Lý Thường Kiệt	040072	QUẢNG TRIỆU DUY	Nam	18/11/2006	8.00	8.20	8.40	8.00		8.15	6.75	5.25	5.50	0.00		37.65
04	THPT Lý Thường Kiệt	040073	TRẦN KHÁNH DUY	Nam	10/10/2006	8.00	8.30	8.00	8.00		8.08	5.75	2.75	4.00	0.00		29.08
04	THPT Lý Thường Kiệt	040074	TRẦN LÊ ĐỨC DUY	Nam	25/01/2006	8.90</											

04	THPT Lý Thường Kiệt	040100	LÊ ĐỖ PHÚC GIA	Nam	17/04/2006	7.00	8.40	8.20	8.00	7.90	6.25	4.25	6.25	0.00		35.15
04	THPT Lý Thường Kiệt	040101	HOÀNG TRẦN ĐÌNH GIANG	Nam	13/04/2006	7.80	7.80	8.20	8.50	8.08	7.75	4.50	3.25	0.00		35.83
04	THPT Lý Thường Kiệt	040102	HỒ TRÚC GIANG	Nữ	17/04/2006	8.20	8.70	8.50	7.50	8.23	6.00	2.50	5.50	0.00		30.73
04	THPT Lý Thường Kiệt	040103	LÊ HỒ CẨM GIANG	Nữ	08/11/2006	6.10	6.90	7.10	7.00	6.78	4.25	1.00	3.00	0.00		20.28
04	THPT Lý Thường Kiệt	040104	NGUYỄN TRẦN HƯƠNG GIANG	Nữ	09/10/2006	8.90	8.80	8.80	8.20	8.68	7.00	6.00	4.00	0.00		38.68
04	THPT Lý Thường Kiệt	040105	VƯƠNG NGỌC THẢO GIANG	Nữ	18/03/2006	9.30	9.30	9.30	9.10	9.25	7.75	5.25	5.00	0.00		40.25
04	THPT Lý Thường Kiệt	040106	PHAN HUỲNH GIAO	Nữ	08/04/2006	8.50	7.90	8.20	8.00	8.15	6.75	6.50	5.50	0.00		40.15
04	THPT Lý Thường Kiệt	040107	LÊ ANH GIÀU	Nam	07/07/2006	6.70	7.70	7.50	7.20	7.28	5.75	2.25	4.25	0.00		27.53
04	THPT Lý Thường Kiệt	040108	LÊ NGỌC GIÀU	Nữ	05/11/2006	9.50	9.00	8.80	8.50	8.95	6.50	4.75	7.25	0.00		38.70
04	THPT Lý Thường Kiệt	040109	NGUYỄN HOÀNG NGỌC HẠ	Nữ	24/12/2006	8.70	8.50	8.50	8.30	8.50	8.25	6.00	7.00	0.00		44.00
04	THPT Lý Thường Kiệt	040110	ĐẶNG TỔNG NHẬT HẠ	Nữ	05/12/2006	9.10	8.60	8.70	8.80	8.80	7.50	5.00	5.00	0.00		38.80
04	THPT Lý Thường Kiệt	040111	LÂM HỒNG HANH	Nữ	05/03/2006	8.80	9.00	9.00	8.50	8.83	8.00	8.00	7.00	0.00		47.83
04	THPT Lý Thường Kiệt	040112	NGUYỄN NHẬT HẢO	Nam	25/10/2006	8.90	9.10	8.90	8.10	8.75	8.00	7.25	7.75	0.00		47.00
04	THPT Lý Thường Kiệt	040113	PHÙNG CHÍ HẢO	Nam	09/11/2006	8.20	8.90	8.70	8.30	8.53	7.00	7.25	7.50	0.00		44.53
04	THPT Lý Thường Kiệt	040114	TRẦN NGUYỄN ANH HẢO	Nam	17/01/2006	8.40	8.20	8.60	7.20	8.10	3.00	5.00	3.50	0.00		27.60
04	THPT Lý Thường Kiệt	040115	LÂM BẢ HẢO	Nam	22/12/2006	6.70	6.80	7.60	7.20	7.08	4.25	4.25	3.00	0.00		27.08
04	THPT Lý Thường Kiệt	040116	NGUYỄN NGỌC NHƯ HẢO	Nữ	02/09/2006	8.00	8.70	8.90	8.80	8.60	7.25	6.50	5.50	0.00		41.60
04	THPT Lý Thường Kiệt	040117	ABDUL LATIF HASAN	Nam	30/04/2006	8.80	8.80	8.90	8.40	8.73	7.75	7.00	7.25	0.50	DT	45.98
04	THPT Lý Thường Kiệt	040118	BÙI THỊ KHÁNH HẰNG	Nữ	04/10/2006	8.90	8.70	8.90	8.30	8.70	5.75	6.50	6.75	0.00		39.95
04	THPT Lý Thường Kiệt	040119	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	Nữ	21/03/2006	8.90	9.00	9.10	8.40	8.85	8.00	5.75	5.50	0.00		41.85
04	THPT Lý Thường Kiệt	040120	HỒ GIA HÂN	Nữ	19/12/2006	9.00	8.80	9.00	9.10	8.98	7.50	7.75	8.50	0.00		47.98
04	THPT Lý Thường Kiệt	040121	HUỲNH GIA HÂN	Nữ	11/02/2006	8.30	8.70	9.00	8.50	8.63	4.50	3.75	5.75	0.00		30.88
04	THPT Lý Thường Kiệt	040122	HUỲNH NGỌC HÂN	Nữ	17/09/2006	7.70	7.00	7.10	6.40	7.05	5.75	5.25	3.75	0.00		32.80
04	THPT Lý Thường Kiệt	040123	HUỲNH TRẦN NGỌC HÂN	Nữ	27/07/2006	8.70	8.10	7.80	7.70	8.08	6.25	3.50	4.00	0.00		31.58
04	THPT Lý Thường Kiệt	040124	LÂM GIA HÂN	Nữ	09/01/2006	9.30	8.90	9.20	9.00	9.10	7.00	6.25	7.25	0.00		42.85
04	THPT Lý Thường Kiệt	040125	LÊ NGỌC HÂN	Nữ	16/05/2006	8.90	8.80	9.00	8.70	8.85	6.50	6.75	7.25	0.00		42.60
04	THPT Lý Thường Kiệt	040126	LÊ NGUYỄN GIA HÂN	Nữ	14/07/2006	8.60	8.30	8.30	8.30	8.38	5.50	5.50	7.50	0.00		37.88
04	THPT Lý Thường Kiệt	040127	LƯƠNG GIA HÂN	Nữ	07/04/2006	9.10	9.30	9.00	9.20	9.15	5.25	8.00	7.00	0.00		42.65
04	THPT Lý Thường Kiệt	040128	LÝ NGỌC HÂN	Nữ	25/03/2006	9.10	9.00	9.10	8.50	8.93	6.25	6.25	4.75	0.00		38.68
04	THPT Lý Thường Kiệt	040129	NGUYỄN HUỲNH NGỌC HÂN	Nữ	31/03/2006	8.00	7.80	7.50	6.90	7.55	5.25	1.00	3.00	0.00		23.05
04	THPT Lý Thường Kiệt	040130	NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN	Nữ	29/05/2006	8.40	7.50	7.90	7.50	7.83	3.50	5.50	2.50	0.00		28.33
04	THPT Lý Thường Kiệt	040131	PHAN HUỲNH NGỌC HÂN	Nữ	19/12/2006	7.90	8.00	8.00	7.70	7.90	5.25	5.00	6.50	0.00		34.90
04	THPT Lý Thường Kiệt	040132	TRẦN GIA HÂN	Nữ	01/01/2006	8.10	7.80	8.10	7.30	7.83	5.75	3.75	3.75	0.00		30.58
04	THPT Lý Thường Kiệt	040133	TRẦN NGỌC BẢO HÂN	Nữ	11/09/2006	8.00	8.50	8.60	7.30	8.10	6.00	1.00	2.50	0.00		24.60
04	THPT Lý Thường Kiệt	040134	VÕ NGỌC KIỀU HÂN	Nữ	05/08/2006	8.70	8.80	8.50	8.10	8.53	7.25	4.00	7.75	0.00		38.78
04	THPT Lý Thường Kiệt	040135	NGUYỄN NHÂN HẬU	Nam	29/05/2006	9.40	9.00	8.80	8.70	8.98	7.00	7.75	6.25	0.00		44.73
04	THPT Lý Thường Kiệt	040136	NGUYỄN TRUNG HẬU	Nam	28/09/2006	8.20	7.90	8.20	7.50	7.95	6.00	6.00	6.50	0.00		38.45
04	THPT Lý Thường Kiệt	040137	BÙI THỊ MỸ HIỀN	Nữ	22/06/2006	8.30	7.90	7.80	6.80	7.70	5.25	3.50	3.00	0.00		28.20
04	THPT Lý Thường Kiệt	040138	MAI NGỌC THẢO HIỀN	Nữ	21/02/2006	8.90	9.10	8.40	7.90	8.58	5.25	7.00	3.75	0.00		36.83
04	THPT Lý Thường Kiệt	040139	NGUYỄN DUY MINH HIỀN	Nam	16/07/2006	8.80	8.50	8.80	8.30	8.60	6.50	7.00	3.50	0.00		39.10
04	THPT Lý Thường Kiệt	040140	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG HIỀN	Nữ	12/05/2006	8.20	7.60	7.30	7.60	7.68	7.00	5.25	2.75	0.00		34.93
04	THPT Lý Thường Kiệt	040141	NGUYỄN NGỌC HIỀN	Nữ	26/01/2006	9.40	9.20	8.60	8.40	8.90	6.50	6.25	3.25	0.00		37.65
04	THPT Lý Thường Kiệt	040142	NGUYỄN THỊ DIỆU HIỀN	Nữ	02/03/2006	8.90	9.00	9.20	8.60	8.93	7.00	6.50	7.50	0.00		43.43
04	THPT Lý Thường Kiệt	040143	TRẦN THỊ NGỌC HIỀN	Nữ	05/05/2006	8.20	7.90	8.00	7.50	7.90	5.75	3.50	2.00	0.50	VS	28.90
04	THPT Lý Thường Kiệt	040144	VÕ LÊ THANH HIỀN	Nữ	29/03/2006	9.00	9.20	9.10	8.80	9.03	6.75	6.25	8.75	0.00		43.78
04	THPT Lý Thường Kiệt	040145	PHAN THÀNH HIỀN	Nam	16/06/2006	7.80	8.00	8.90	8.60	8.33	7.00	6.75	4.00	0.00		39.83
04	THPT Lý Thường Kiệt	040146	NGUYỄN MINH HIẾU	Nam	09/02/2006	7.00	7.30	7.30	7.30	7.23	7.75	4.00	4.25	0.00		34.98
04	THPT Lý Thường Kiệt	040147	NGUYỄN THỊ NGỌC HIẾU	Nữ	21/12/2006	9.20	9.30	9.00	8.00	8.88	6.50	6.00	4.50	0.00		38.38
04	THPT Lý Thường Kiệt	040148	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	08/10/2006	7.50	8.10	7.70	7.50	7.70	7.75	8.25	4.75	0.00		44.45
04	THPT Lý Thường Kiệt	040149	TRẦN TRỌNG HIẾU	Nam	11/04/2006	8.80	8.60	8.20	7.70	8.33	6.25	7.25	8.00	0.50	VS	43.83
04	THPT Lý Thường Kiệt	040150	TRẦN TRUNG HIẾU	Nam	14/11/2006	8.30	8.70	8.80	8.20	8.50	6.00	4.75	5.00	0.00		35.00
04	THPT Lý Thường Kiệt	040151	HUỲNH KIM HOA	Nữ	30/04/2006	9.40	9.40	9.40	8.90	9.28	7.75	7.25	8.50	0.00		47.78
04	THPT Lý Thường Kiệt	040152	HỒ THANH HÒA	Nam	05/02/2006	8.70	8.40	9.00	8.60	8.68	6.25	6.50	3.50	0.00		37.68
04	THPT Lý Thường Kiệt	040153	VÕ KIM HOÀNG	Nữ	18/12/2006	8.80	8.90	8.90	8.30	8.73	6.75	4.25	3.00	0.00		33.73
04	THPT Lý Thường Kiệt	040154	TRƯƠNG THỊ ANH HỒNG	Nữ	22/02/2006	8.50	8.40	7.70	6.90	7.88	5.25	5.25	6.00	0.00		34.88
04	THPT Lý Thường Kiệt	040155	MẠCH THỊ KIM HUỆ	Nữ	01/03/2006	9.20	8.30	8.70	7.90	8.53	6.00	4.50	4.25	0.00		33.78
04	THPT Lý Thường Kiệt	040156	TRẦN VŨ HÙNG	Nam	04/03/2006	7.50	7.30	7.90	7.00	7.43	6.00	4.50	5.25	0.00		33.68
04	THPT Lý Thường Kiệt	040157	TRỊNH QUỐC HÙNG	Nam	08/07/2006	8.40	8.80	8.80	8.10	8.53	7.75	7.25	4.75	0.00		43.28
04	THPT Lý Thường Kiệt	040158	BÙI ĐỨC HUY	Nam	16/03/2006	7.70	8.00	7.90	7.40	7.75	4.50	7.75	2.75	0.00		35.00
04	THPT Lý Thường Kiệt	040159	ĐÀO THANH HUY	Nam	14/06/2005	7.10	7.00	7.50	7.20	7.20	5.50	3.75	6.00	0.00		31.70
04	THPT Lý Thường Kiệt	040160	ĐOÀN LÊ HUY	Nam	08/03/2006	9.00	8.70	8.80	7.90	8.60	4.25	8.00	6.75	0.00		39.85
04	THPT Lý Thường Kiệt	040161	HỒ QUỐC HUY	Nam	23/02/2006	7.70	8.80	8.40	8.00	8.23	7.50	7.50	6.00	0.00		44.23
04	THPT Lý Thường Kiệt	040162	LÂM GIA HUY	Nam	01/02/2006	8.60	8.10	8.30	7.60	8.15	6.00	6.75	4.75	0.00		38.40
04	THPT Lý Thường Kiệt	040163	NGUYỄN TRẦN ĐỨC HUY	Nam	17/06/2006	8.20	7.30	7.60	7.00	7.53	5.75	5.50	4.75	0.00		34.78
04	THPT Lý Thường Kiệt	040164	PHẠM NHẬT MINH HUY	Nam	08/09/2006	8.40	8.00	8.70	8.20	8.33	5.75	7.50	2.50	0.00		37.33
04	THPT Lý Thường Kiệt	040165	QUẢNG TRẦN VŨ HUY	Nam	07/09/2006	7.50	6.10	7.00	6.00	6.65	2.25	1.50	3.50	0.00		17.65
04	THPT Lý Thường Kiệt	040166	TRẦN GIA HUY	Nam	09/05/2006	7.90	8.00	7.50	7.20	7.65	5.50	2.75	6.50	0.00		30.65
04	THPT Lý Thường Kiệt	040167	TRẦN NHẬT HUY	Nam	16/07/2006	7.20	7.40	7.90	7.60	7.53	5.00	2.00	4.50	0.00		26.03
04	THPT Lý Thường Kiệt	040168	TRẦN THIÊN QUỐC HUY	Nam	08/10/2006	8.20	7.60	7.70	7.60	7.78	6.50	6.25	3.00	0.00		36.28
04	THPT Lý Thường Kiệt	040169	VÕ VƯƠNG GIA HUY	Nam	02/03/2006	8.60	8.00	7.90	7.60	8.03	5.25	5.25	3.50	0.00		32.53
04	THPT Lý Thường Kiệt	040170	HUỲNH NGỌC HUYỀN	Nữ	17/11/2006	7.90	7.80	7.50	7.20	7.60	6.75	4.50	3.75	0.00		33.85
04	THPT Lý Thường Kiệt	040171	LÊ BÍCH HUYỀN	Nữ	30/11/2006	9.30	9.20	9.40	8.90	9.20	8.25	7.25	6.00	0.00		46.20
04	THPT Lý Thường Kiệt	040172	LÊ NGỌC HUYỀN	Nữ	16/04/2006	8.80	8.90	9.20	8.40	8.83	7.00	6.50	3.75	0.00		39.58
04	THPT Lý Thường Kiệt	040173	NGUYỄN THỊ MỸ HUYỀN	Nữ	14/03/2006	9.10	9.40	9.40	9.10	9.25	7.50	7.25	7.00	0.00		45.75
04	THPT Lý Thường Kiệt	040174	LÊ THỊ TRÚC HUỲNH	Nữ	25/11/2006	6.30	7.60	8.10	7.70	7.43	7.50	3.25	3.25	0.00		32.18
04	THPT Lý Thường Kiệt	040175	NGUYỄN BÍCH HUỲNH	Nữ	21/09/2006	9.30	9.40	9.30	9.10	9.28	6.25	7.25	7.75	0.00		44.03
04	THPT Lý Thường Kiệt	040176	NGUYỄN GIA HƯNG	Nam	16/04/2006	9.20	9.00	9.00	8.80	9.00	7.75	6.				

04	THPT Lý Thường Kiệt	040200	TRẦN ĐĂNG KHOA	Nam	09/12/2006	7.10	6.40	7.80	7.50	7.20	6.00	8.25	3.25	0.00	38.95
04	THPT Lý Thường Kiệt	040201	TRÌNH TIỀN KHOA	Nam	30/05/2006	7.50	8.00	7.80	7.20	7.63	4.50	2.50	3.00	0.00	24.63
04	THPT Lý Thường Kiệt	040202	ĐẶNG HỒNG LIÊN KHÔI	Nữ	28/10/2006	8.40	8.70	8.60	7.60	8.33	5.00	3.25	3.75	0.00	28.58
04	THPT Lý Thường Kiệt	040203	NGUYỄN HOÀNG MINH KHÔI	Nam	04/09/2006	7.20	8.10	8.30	7.50	7.78	7.50	3.75	3.75	0.00	34.03
04	THPT Lý Thường Kiệt	040204	VÕ MINH KHÔI	Nam	16/01/2006	8.80	8.50	8.30	8.40	8.50	7.00	7.50	8.50	0.00	46.00
04	THPT Lý Thường Kiệt	040205	NGUYỄN GIA KHUƠNG	Nam	30/09/2006	6.80	7.50	7.50	7.30	7.28	5.00	3.00	2.25	0.00	25.53
04	THPT Lý Thường Kiệt	040206	DƯƠNG TRUNG KIẾN	Nam	15/08/2006	8.80	8.90	8.30	8.10	8.53	6.00	5.25	4.25	0.00	35.28
04	THPT Lý Thường Kiệt	040207	HUỲNH TRUNG KIẾN	Nam	17/07/2006	8.40	8.50	9.00	8.60	8.63	6.75	8.00	4.50	0.00	42.63
04	THPT Lý Thường Kiệt	040208	LÊ TRUNG KIẾN	Nam	06/08/2006	7.30	7.20	8.00	7.20	7.43	5.00	4.00	5.00	0.00	30.43
04	THPT Lý Thường Kiệt	040209	BÙI TUẤN KIẾT	Nam	05/12/2006	8.80	9.00	8.90	8.90	8.90	7.25	7.25	6.00	0.00	43.90
04	THPT Lý Thường Kiệt	040210	ĐỖ GIA KIẾT	Nam	27/04/2006	8.30	8.70	9.00	8.70	8.68	4.00	6.25	7.25	0.00	36.43
04	THPT Lý Thường Kiệt	040211	HÀ QUỐC KIẾT	Nam	23/08/2006	8.60	8.40	8.60	8.70	8.58	5.50	8.00	6.50	0.00	42.08
04	THPT Lý Thường Kiệt	040212	HỒ QUỐC KIẾT	Nam	23/11/2006	6.10	6.90	7.30	7.40	6.93	2.75	4.75	3.50	0.00	25.43
04	THPT Lý Thường Kiệt	040213	NGUYỄN VÕ GIA KIẾT	Nam	10/10/2006	8.60	8.40	7.90	8.10	8.25	5.25	7.75	6.75	0.00	41.00
04	THPT Lý Thường Kiệt	040214	TRƯƠNG TRUNG KIẾT	Nam	03/07/2006	8.50	8.10	8.20	7.50	8.08	5.00	5.00	7.75	0.00	35.83
04	THPT Lý Thường Kiệt	040215	NGUYỄN MINH KỶ	Nam	07/10/2006	8.00	7.80	7.80	7.90	7.88	7.75	5.25	8.25	0.00	42.13
04	THPT Lý Thường Kiệt	040216	NGUYỄN THỊ THU LÀI	Nữ	14/02/2006	8.90	8.50	8.30	7.50	8.30	4.00	4.50	4.75	0.00	30.05
04	THPT Lý Thường Kiệt	040217	LÊ ĐIỀU TRÚC LAM	Nữ	03/11/2006	8.30	8.70	8.30	7.50	8.20	5.25	5.25	4.00	0.00	33.20
04	THPT Lý Thường Kiệt	040218	HUỲNH ĐẮC LÂM	Nam	28/04/2006	6.30	5.90	5.90	6.00	6.03	3.50	3.75	3.75	0.00	24.28
04	THPT Lý Thường Kiệt	040219	NGUYỄN LÂM	Nam	24/05/2006	5.70	5.30	7.40	6.80	6.30	3.00	7.25	3.50	0.00	30.30
04	THPT Lý Thường Kiệt	040220	NGUYỄN NGỎ NHẠC LỄ	Nam	10/12/2006	5.80	6.60	7.30	7.00	6.68	5.25	5.25	1.75	0.00	29.43
04	THPT Lý Thường Kiệt	040221	HUỲNH HỒ KHÁNH LINH	Nữ	05/11/2006	9.30	9.10	8.50	8.00	8.73	7.00	3.25	6.00	0.00	35.23
04	THPT Lý Thường Kiệt	040222	LÊ DUY LINH	Nam	26/09/2006	8.60	9.00	8.80	8.30	8.68	8.00	6.00	5.75	0.00	42.43
04	THPT Lý Thường Kiệt	040223	NGUYỄN HỒNG ÁNH LINH	Nữ	14/08/2006	9.60	9.70	9.60	9.10	9.50	7.75	8.00	8.25	0.00	49.25
04	THPT Lý Thường Kiệt	040224	NGUYỄN THỊ THỦY LINH	Nữ	12/01/2006	9.00	9.20	8.80	8.60	8.90	6.25	7.00	7.00	0.00	42.40
04	THPT Lý Thường Kiệt	040225	PHÙNG NGỌC KHÁNH LINH	Nữ	09/03/2006	9.40	9.10	8.90	8.80	9.05	6.75	8.00	8.50	0.00	47.05
04	THPT Lý Thường Kiệt	040226	TRẦN NGỌC TRÚC LINH	Nữ	01/01/2006	9.40	9.10	8.80	8.50	8.95	6.50	7.50	7.00	0.00	43.95
04	THPT Lý Thường Kiệt	040227	TRƯƠNG KHÁNH LINH	Nữ	24/09/2006	9.00	9.20	9.10	8.70	9.00	7.00	6.25	6.50	0.00	42.00
04	THPT Lý Thường Kiệt	040228	VÕ ĐỨC GIA LINH	Nữ	10/12/2006	8.70	8.70	8.90	8.80	8.78	8.00	7.25	7.75	0.00	47.03
04	THPT Lý Thường Kiệt	040229	ĐỖ THÀNH LONG	Nam	19/06/2006	6.50	7.10	7.60	7.80	7.25	5.50	4.75	4.00	0.00	31.75
04	THPT Lý Thường Kiệt	040230	LÝ HIỂN LONG	Nam	18/10/2006	7.90	7.10	7.50	7.10	7.40	5.00	6.00	4.50	0.00	33.90
04	THPT Lý Thường Kiệt	040231	NGÔ VĂN LONG	Nam	01/11/2006	8.60	8.10	8.20	7.80	8.18	3.50	6.00	7.50	0.00	34.68
04	THPT Lý Thường Kiệt	040232	PHAN HỒ THANH LONG	Nam	06/08/2006	7.80	8.20	8.50	8.00	8.13	5.75	4.00	5.75	0.00	33.38
04	THPT Lý Thường Kiệt	040233	THÁI HUỲNH TUẤN LONG	Nam	06/02/2006	8.00	7.50	7.00	6.10	7.15	2.75	1.50	1.75	0.00	17.40
04	THPT Lý Thường Kiệt	040234	VÕ VIỆT LONG	Nam	03/07/2006	8.70	8.70	8.80	8.10	8.58	5.00	6.50	4.50	0.00	36.08
04	THPT Lý Thường Kiệt	040235	NGUYỄN PHÚC LỘC	Nam	27/02/2006	7.80	7.80	8.10	7.70	7.85	6.00	4.00	3.50	0.00	31.35
04	THPT Lý Thường Kiệt	040236	NGUYỄN TẤN LỘC	Nam	02/12/2006	7.00	7.30	7.30	7.20	7.20	4.00	6.00	2.25	0.00	29.45
04	THPT Lý Thường Kiệt	040237	NGUYỄN TẤN LỘC	Nam	29/06/2006	7.40	7.00	7.00	6.80	7.05	5.00	3.00	3.25	0.00	26.30
04	THPT Lý Thường Kiệt	040238	NGUYỄN VĂN LỘC	Nam	22/10/2006	8.00	8.00	8.30	7.70	8.00	3.75	8.00	5.50	0.00	37.00
04	THPT Lý Thường Kiệt	040239	DƯƠNG QUỐC LỢI	Nam	19/06/2006	7.60	7.20	7.90	7.40	7.53	2.75	5.00	2.75	0.00	25.78
04	THPT Lý Thường Kiệt	040240	VƯƠNG MINH LỢI	Nam	15/08/2006	7.70	7.50	8.00	8.00	7.80	3.75	5.00	3.50	0.00	28.80
04	THPT Lý Thường Kiệt	040241	CAO MINH LUÂN	Nam	20/11/2006	9.20	9.60	9.40	9.10	9.33	7.50	8.00	8.00	0.00	48.33
04	THPT Lý Thường Kiệt	040242	HUỲNH THANH HOÀNG LUÂN	Nam	25/06/2006	8.00	8.00	8.70	8.20	8.23	3.75	7.25	2.25	0.00	32.48
04	THPT Lý Thường Kiệt	040243	NGUYỄN THÀNH LỰC	Nam	26/01/2006	8.00	7.60	7.20	7.80	7.65	6.00	1.00	4.25	0.00	25.90
04	THPT Lý Thường Kiệt	040244	NGUYỄN CẨM LY	Nữ	18/03/2006	8.00	8.30	8.40	7.80	8.13	5.75	2.00	3.50	0.00	27.13
04	THPT Lý Thường Kiệt	040245	TRƯƠNG THỊ THẢO LY	Nữ	10/04/2006	8.80	8.60	8.50	8.00	8.48	7.00	6.50	6.75	0.00	42.23
04	THPT Lý Thường Kiệt	040246	ĐỖ HUỲNH XUÂN MAI	Nữ	22/07/2006	8.70	8.00	8.10	8.10	8.23	7.50	6.25	4.50	0.00	40.23
04	THPT Lý Thường Kiệt	040247	LÂM NGỌC THANH MAI	Nữ	21/04/2006	8.80	9.00	8.60	8.00	8.60	7.00	7.25	5.50	0.00	42.60
04	THPT Lý Thường Kiệt	040248	NGUYỄN THỊ THANH MAI	Nữ	06/08/2006	8.40	8.70	8.40	8.00	8.38	5.25	6.25	6.75	0.00	38.13
04	THPT Lý Thường Kiệt	040249	NGUYỄN THỊ TRÚC MAI	Nữ	08/01/2006	9.20	8.90	9.30	9.10	9.13	6.00	6.25	7.50	0.00	41.13
04	THPT Lý Thường Kiệt	040250	NGUYỄN XUÂN MAI	Nữ	17/02/2006	9.50	9.70	9.50	9.10	9.45	7.25	8.00	6.75	0.00	46.70
04	THPT Lý Thường Kiệt	040251	VÕ THANH MAI	Nữ	19/08/2006	9.20	9.20	8.90	8.70	9.00	8.00	5.50	8.50	0.00	44.50
04	THPT Lý Thường Kiệt	040252	VÕ THỊ THẢO MAI	Nữ	18/11/2006	8.40	8.10	8.20	7.90	8.15	6.00	7.00	2.25	0.00	36.40
04	THPT Lý Thường Kiệt	040253	NGUYỄN ĐÌNH MẠNH	Nam	14/08/2006	8.20	7.90	8.10	8.00	8.05	5.75	5.00	6.25	0.00	35.80
04	THPT Lý Thường Kiệt	040254	LÊ NHẬT MINH	Nam	23/06/2006	8.30	8.00	8.50	8.80	8.40	6.25	7.00	7.25	0.00	42.15
04	THPT Lý Thường Kiệt	040255	LÊ TRẦN DUY MINH	Nam	07/02/2006	8.30	8.70	8.90	8.70	8.65	6.50	8.00	7.50	0.00	45.15
04	THPT Lý Thường Kiệt	040256	MAI LÊ MINH	Nam	06/11/2006	8.50	8.50	8.90	8.70	8.65	5.00	7.00	7.50	0.00	40.15
04	THPT Lý Thường Kiệt	040257	TẠ QUỐC MINH	Nam	03/01/2006	8.80	8.80	8.90	9.00	8.88	7.50	8.25	8.00	0.00	48.38
04	THPT Lý Thường Kiệt	040258	HUỲNH THỊ NGỌC MY	Nữ	18/02/2006	8.80	8.60	8.60	8.40	8.60	5.25	6.00	5.75	0.00	36.85
04	THPT Lý Thường Kiệt	040259	LÊ KIỀU MY	Nữ	29/08/2006	9.10	9.00	8.70	8.50	8.83	7.75	8.00	9.00	0.00	49.33
04	THPT Lý Thường Kiệt	040260	LÊ NGUYỄN TRÀ MY	Nữ	01/04/2006	9.10	9.40	9.30	9.00	9.20	7.25	8.00	7.50	0.00	47.20
04	THPT Lý Thường Kiệt	040261	NGUYỄN NGỌC HẢ MY	Nữ	07/10/2006	8.60	9.10	9.30	9.20	9.05	7.25	8.00	8.50	0.00	48.05
04	THPT Lý Thường Kiệt	040262	NGUYỄN THỊ KIỀU MY	Nữ	21/06/2006	8.70	8.50	8.50	7.20	8.23	2.00	6.25	3.50	0.00	28.23
04	THPT Lý Thường Kiệt	040263	NGUYỄN THUY PHƯƠNG MY	Nữ	29/10/2006	7.70	8.60	8.80	8.80	8.48	6.50	6.75	6.75	0.00	41.73
04	THPT Lý Thường Kiệt	040264	PHAN THỊ HÀ MY	Nữ	18/12/2006	9.10	8.50	8.80	8.20	8.65	6.25	6.00	5.00	0.00	38.15
04	THPT Lý Thường Kiệt	040265	PHAN THỊ TRÀ MY	Nữ	15/07/2006	9.00	9.10	9.10	8.40	8.90	6.25	7.50	5.25	0.00	41.65
04	THPT Lý Thường Kiệt	040266	TÔ HẢI MY	Nữ	12/01/2006	8.60	8.40	8.70	8.00	8.43	4.25	1.75	4.75	0.00	25.18
04	THPT Lý Thường Kiệt	040267	LẠI PHAN NHẬT NAM	Nam	14/10/2006	9.50	9.40	9.40	8.80	9.28	7.50	7.00	9.75	0.00	48.03
04	THPT Lý Thường Kiệt	040268	LÊ HOÀNG NAM	Nam	05/02/2006	7.90	7.10	7.20	7.10	7.33	6.50	5.50	4.00	0.00	35.33
04	THPT Lý Thường Kiệt	040269	LÊ NHẬT NAM	Nam	18/12/2006	9.10	8.70	8.70	8.50	8.75	6.50	8.50	8.25	0.00	47.00
04	THPT Lý Thường Kiệt	040270	PHÙNG NGUYỄN NGỌC NGA	Nữ	25/09/2006	8.80	8.70	8.40	7.60	8.38	5.00	3.75	5.50	0.00	31.38
04	THPT Lý Thường Kiệt	040271	PHẠM NGỌC NGÀ	Nữ	04/10/2006	8.70	8.60	8.50	8.80	8.65	7.25	7.50	4.75	0.00	42.90
04	THPT Lý Thường Kiệt	040272	ĐẶNG THỊ THÚY NGÂN	Nữ	04/01/2006	9.40	9.20	9.10	9.10	9.20	6.75	5.50	5.25	0.00	38.95
04	THPT Lý Thường Kiệt	040273	HỒ THIÊN NGÂN	Nữ	13/05/2006	8.40	8.60	8.60	7.80	8.35	5.00	4.25	3.75	0.00	30.60
04	THPT Lý Thường Kiệt	040274	HUỲNH NHẬT NGÂN	Nữ	09/12/2006	7.60	7.70	7.70	7.70	7.68	5.75	5.75	5.50	0.00	36.18
04	THPT Lý Thường Kiệt	040275	LÊ THỊ KIM NGÂN	Nữ	08/04/2006	8.80	8.60	8.80	8.60	8.70	7.50	6.00	6.25	0.00	41.95
04	THPT Lý Thường Kiệt	040276	LƯU THỊ KIM NGÂN	Nữ	28/10/2006	8.00	8.20	8.40	8.70	8.33	6.50	8.00	4.50	0.00	41.83
04	THPT Lý Thường Kiệt	040277	NGÔ NGUYỄN THIÊN NGÂN	Nữ	20/04/2006	8.40	8.30	8.00	7.50	8.05	6.75	5.50	4.00	0.00	36.55
04	THPT Lý Thường Kiệt	040278	NGUYỄN NGỌC BẢO NGÂN	Nữ	01/09/2006	9.60	9.40	8.80	8.20	9.00	8.00	4.25	4.25	0.00	37.75
04															

04	THPT Lý Thường Kiệt	040300	NGUYỄN MINH HỒNG NGỌC	Nữ	16/05/2006	7.60	8.40	8.80	8.80	8.40	7.75	5.25	5.00	0.00		39.40
04	THPT Lý Thường Kiệt	040301	NGUYỄN NHƯ NGỌC	Nữ	29/07/2006	8.00	8.50	8.40	8.30	8.30	6.25	5.00	6.00	0.00		36.80
04	THPT Lý Thường Kiệt	040302	NGUYỄN THỊ ÁI NGỌC	Nữ	12/06/2006	8.10	7.90	8.20	7.50	7.93	4.00	3.00	3.75	0.00		25.68
04	THPT Lý Thường Kiệt	040303	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	07/09/2006	6.80	7.00	7.50	7.70	7.25	6.50	7.75	4.50	0.00		40.25
04	THPT Lý Thường Kiệt	040304	PHẠM THANH BẢO NGỌC	Nữ	11/05/2006	8.70	8.30	8.80	8.50	8.58	6.25	7.25	5.25	0.00		40.83
04	THPT Lý Thường Kiệt	040305	PHAN GIA NGỌC	Nữ	26/12/2006	7.70	8.10	8.10	7.70	7.90	4.50	4.75	3.00	0.00		29.40
04	THPT Lý Thường Kiệt	040306	TRẦN THỊ HOÀI NGỌC	Nữ	11/06/2006	9.10	9.30	9.10	8.70	9.05	8.00	8.00	7.75	0.00		48.80
04	THPT Lý Thường Kiệt	040307	TRẦN THỊ KHÁNH NGỌC	Nữ	29/09/2006	7.80	7.80	8.60	8.70	8.23	7.00	7.25	8.75	0.00		45.48
04	THPT Lý Thường Kiệt	040308	VÕ HOÀNG NGỌC	Nữ	18/02/2006	9.10	9.00	8.80	8.50	8.85	6.75	6.00	5.75	0.00		40.10
04	THPT Lý Thường Kiệt	040309	VÕ NHƯ NGỌC	Nữ	01/11/2006	7.90	8.60	8.60	8.80	8.48	7.25	5.00	8.50	0.00		41.48
04	THPT Lý Thường Kiệt	040310	LÂM THẢO NGUYỄN	Nữ	28/05/2006	8.90	9.00	8.80	8.50	8.80	7.00	5.25	5.50	0.00		38.80
04	THPT Lý Thường Kiệt	040311	LÊ NGỌC THẢO NGUYỄN	Nữ	12/08/2006	9.00	9.10	9.00	8.60	8.93	7.25	7.75	5.75	0.00		44.68
04	THPT Lý Thường Kiệt	040312	LÊ THẢO NGUYỄN	Nữ	04/06/2006	9.10	9.20	8.90	8.80	9.00	6.25	6.00	7.00	0.00		40.50
04	THPT Lý Thường Kiệt	040313	LƯU KIM NGUYỄN	Nữ	03/11/2006	8.90	9.10	9.20	9.10	9.08	7.75	8.00	7.00	0.00		47.58
04	THPT Lý Thường Kiệt	040314	NGUYỄN ĐỨC NGUYỄN	Nam	24/03/2006	8.40	8.30	8.20	7.60	8.13	4.25	6.50	5.75	0.00		35.38
04	THPT Lý Thường Kiệt	040315	NGUYỄN NGỌC THẢO NGUYỄN	Nữ	08/09/2006	6.50	7.80	7.90	6.90	7.28	5.00	3.25	4.25	0.00		28.03
04	THPT Lý Thường Kiệt	040316	NGUYỄN NGỌC THẢO NGUYỄN	Nữ	27/05/2006	8.60	8.50	8.50	8.00	8.40	5.00	5.75	7.00	0.00		36.90
04	THPT Lý Thường Kiệt	040317	NGUYỄN TRUNG NGUYỄN	Nam	15/11/2006	9.30	9.10	9.30	8.70	9.10	7.25	7.25	6.75	0.00		44.85
04	THPT Lý Thường Kiệt	040318	PHAN TRẦN THẢO NGUYỄN	Nữ	08/05/2006	9.20	9.10	9.20	8.90	9.10	6.75	6.75	4.50	0.00		40.60
04	THPT Lý Thường Kiệt	040319	TRẦN PHÙNG KHÔI NGUYỄN	Nam	09/05/2006	9.10	9.50	9.60	8.90	9.28	8.50	6.75	8.00	0.00		47.78
04	THPT Lý Thường Kiệt	040320	VÕ ANH NGUYỄN	Nam	10/06/2006	8.80	8.70	9.20	9.10	8.95	8.00	8.25	5.50	0.00		46.95
04	THPT Lý Thường Kiệt	040321	VÕ KIM NGUYỄN	Nữ	04/05/2006	8.50	8.20	7.60	7.60	7.98	4.00	5.75	3.50	0.00		30.98
04	THPT Lý Thường Kiệt	040322	NGUYỄN HẢI NHƯ NGUYỆT	Nữ	23/08/2006	7.50	8.90	9.00	8.20	8.40	6.00	2.50	3.50	0.00		28.90
04	THPT Lý Thường Kiệt	040323	PHẠM CAO THIÊN NHÂN	Nam	07/09/2006	9.30	9.30	9.00	8.70	9.08	4.75	7.50	5.25	0.00		38.83
04	THPT Lý Thường Kiệt	040324	VÕ THÀNH NHÂN	Nam	04/02/2006	8.30	8.40	8.10	6.70	7.88	4.25	3.50	3.75	0.00		27.13
04	THPT Lý Thường Kiệt	040325	NGUYỄN NGUYỄN NHẬT	Nam	19/02/2006	7.70	7.40	7.80	8.00	7.73	5.50	4.00	4.25	0.00		30.98
04	THPT Lý Thường Kiệt	040326	CHÂU YẾN NHI	Nữ	29/07/2006	8.90	9.30	9.00	9.30	9.13	7.00	8.00	9.00	0.00		48.13
04	THPT Lý Thường Kiệt	040327	ĐƯƠNG HUỲNH YẾN NHI	Nữ	11/07/2006	6.60	7.70	7.80	7.20	7.33	5.00	5.50	5.25	0.00		33.58
04	THPT Lý Thường Kiệt	040328	LÊ UYÊN NHI	Nữ	27/02/2006	7.20	7.70	7.30	7.10	7.33	5.00	4.25	3.00	0.00		28.83
04	THPT Lý Thường Kiệt	040329	NGUYỄN HOÀNG XUÂN NHI	Nữ	06/09/2006	7.10	8.00	7.70	7.00	7.45	5.00	6.75	4.00	0.00		34.95
04	THPT Lý Thường Kiệt	040330	NGUYỄN LÊ KHƯƠNG NHI	Nữ	10/10/2006	8.80	8.10	8.20	8.00	8.28	5.75	4.75	4.50	0.00		33.78
04	THPT Lý Thường Kiệt	040331	NGUYỄN THỊ NGỌC NHI	Nữ	14/06/2006	8.70	8.70	8.40	8.10	8.48	7.00	4.00	3.25	0.00		33.73
04	THPT Lý Thường Kiệt	040332	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	Nữ	30/01/2006	8.90	8.40	8.00	7.90	8.30	5.75	6.75	4.75	0.00		38.05
04	THPT Lý Thường Kiệt	040333	PHÙNG YẾN NHI	Nữ	25/03/2006	9.50	9.60	9.10	8.60	9.20	6.75	8.00	9.00	0.00		47.70
04	THPT Lý Thường Kiệt	040334	TRANG XUÂN NHI	Nữ	30/12/2006	7.50	7.50	8.00	7.80	7.70	7.00	6.25	6.00	0.00		40.20
04	THPT Lý Thường Kiệt	040335	ĐƯƠNG HIỂN NHƯ	Nữ	09/11/2006	9.30	9.00	9.20	7.90	8.85	6.00	4.75	6.25	0.00		36.60
04	THPT Lý Thường Kiệt	040336	ĐƯƠNG TÂM NHƯ	Nữ	17/03/2006	9.10	9.20	9.00	8.50	8.95	7.75	6.75	7.25	0.00		45.20
04	THPT Lý Thường Kiệt	040337	ĐẶNG THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	10/10/2006	9.00	9.10	8.50	8.60	8.80	7.50	6.75	4.75	0.00		42.05
04	THPT Lý Thường Kiệt	040338	ĐÌNH THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	16/06/2006	8.70	8.50	8.50	7.60	8.33	6.75	6.50	3.50	0.00		38.33
04	THPT Lý Thường Kiệt	040339	LÊ QUỲNH NHƯ	Nữ	05/10/2006	8.80	8.90	8.40	8.10	8.55	6.50	5.50	6.25	0.00		38.80
04	THPT Lý Thường Kiệt	040340	NGÔ LÊ TIÊN NHƯ	Nữ	15/12/2006	8.20	8.50	9.00	8.50	8.55	4.75	8.00	6.75	0.00		40.80
04	THPT Lý Thường Kiệt	040341	NGUYỄN HUỲNH NHƯ	Nữ	27/01/2006	8.90	9.20	9.20	8.50	8.95	7.75	7.00	4.25	0.00		42.70
04	THPT Lý Thường Kiệt	040342	NGUYỄN THỊ HUỲNH NHƯ	Nữ	03/06/2006	8.70	8.50	8.50	7.60	8.33	5.00	6.00	4.50	0.00		34.83
04	THPT Lý Thường Kiệt	040343	PHAN NGỌC QUỲNH NHƯ	Nữ	05/11/2006	8.30	7.20	8.10	7.50	7.78	6.50	3.50	5.50	0.00		33.28
04	THPT Lý Thường Kiệt	040344	THÁI THỊ MỘNG NHƯ	Nữ	05/12/2006	9.10	8.30	8.80	8.20	8.60	6.50	7.00	5.50	0.00		41.10
04	THPT Lý Thường Kiệt	040345	TÔ LÊ TÂM NHƯ	Nữ	15/04/2006	8.40	7.60	6.90	7.40	7.58	4.00	3.75	2.50	0.00		25.58
04	THPT Lý Thường Kiệt	040346	TRƯƠNG THỊ MỸ NHƯ	Nữ	27/01/2005	8.70	8.40	8.70	8.40	8.55	3.50	5.00	5.50	0.00		31.05
04	THPT Lý Thường Kiệt	040347	NGUYỄN TRUNG NHỰT	Nam	23/10/2006	7.60	6.80	6.60	6.90	6.98	3.75	3.25	4.50	0.00		25.48
04	THPT Lý Thường Kiệt	040348	VÕ NHẬT NINH	Nam	19/08/2006	8.60	8.40	8.00	7.40	8.10	6.50	5.75	4.75	0.00		37.35
04	THPT Lý Thường Kiệt	040349	NGUYỄN NGỌC HOÀNG OANH	Nữ	07/02/2006	9.20	9.10	9.00	8.40	8.93	7.50	5.50	8.00	0.00		42.93
04	THPT Lý Thường Kiệt	040350	CAO TẤN PHÁT	Nam	26/11/2006	7.70	8.00	8.70	7.70	8.03	3.75	6.00	2.25	0.00		29.78
04	THPT Lý Thường Kiệt	040351	LÊ GIA PHÁT	Nam	04/07/2006	8.40	8.80	8.70	8.10	8.50	5.75	6.25	5.50	0.00		38.00
04	THPT Lý Thường Kiệt	040352	LÊ TẤN PHÁT	Nam	29/10/2006	9.30	9.00	8.50	8.10	8.73	6.25	8.00	6.75	0.00		43.98
04	THPT Lý Thường Kiệt	040353	LƯƠNG ĐIỀN GIA PHÁT	Nam	09/11/2006	5.60	6.70	7.40	7.30	6.75	5.25	5.50	5.25	0.00		33.50
04	THPT Lý Thường Kiệt	040354	NGUYỄN ĐƯƠNG TẤN PHÁT	Nam	16/10/2006	8.10	8.00	8.00	7.90	8.00	3.00	2.75	4.25	0.00		23.75
04	THPT Lý Thường Kiệt	040355	NGUYỄN LÊ TẤN PHÁT	Nam	09/08/2006	9.20	8.90	9.20	9.20	9.13	7.75	7.00	9.00	0.00		47.63
04	THPT Lý Thường Kiệt	040356	NGUYỄN TẤN PHÁT	Nam	12/01/2006	8.40	8.80	8.80	8.20	8.55	6.00	5.50	5.75	0.00		37.30
04	THPT Lý Thường Kiệt	040357	NGUYỄN TRẦN TẤN PHÁT	Nam	29/10/2006	7.30	7.60	7.00	7.30	7.30	6.75	6.75	5.75	0.00		40.05
04	THPT Lý Thường Kiệt	040358	NGUYỄN LÊ HOÀNG PHI	Nam	03/08/2006	8.20	8.60	8.70	8.90	8.60	7.00	7.50	8.25	0.00		45.85
04	THPT Lý Thường Kiệt	040359	PHẠM THANH PHONG	Nam	13/06/2006	7.50	6.50	6.10	5.70	6.45	2.25	3.25	3.25	0.00		20.70
04	THPT Lý Thường Kiệt	040360	NGUYỄN THẠNH PHÚ	Nam	18/05/2006	8.40	8.60	8.90	8.70	8.65	5.25	5.75	7.25	0.00		37.90
04	THPT Lý Thường Kiệt	040361	NGUYỄN TRIỆU PHÚ	Nam	15/03/2006	7.50	7.30	7.40	8.00	7.55	6.25	6.00	3.25	0.00		35.30
04	THPT Lý Thường Kiệt	040362	TRẦN ĐỨC PHÚ	Nam	01/11/2006	8.80	8.80	9.20	8.80	8.90	7.75	7.00	6.75	0.00		45.15
04	THPT Lý Thường Kiệt	040363	LA VINH PHÚC	Nam	15/12/2006	8.90	9.30	9.10	8.90	9.05	7.75	8.50	8.00	0.50	DT	50.05
04	THPT Lý Thường Kiệt	040364	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	Nam	27/10/2006	8.80	8.60	8.90	8.60	8.73	6.25	9.00	5.50	0.00		44.73
04	THPT Lý Thường Kiệt	040365	NGUYỄN THANH NHÂN PHÚC	Nam	01/01/2006	8.20	8.10	7.70	7.00	7.75	5.25	5.75	5.50	0.00		35.25
04	THPT Lý Thường Kiệt	040366	NGUYỄN VŨ HOÀNG PHÚC	Nam	15/01/2006	8.80	8.60	9.00	8.80	8.80	8.00	8.00	7.75	0.00		48.55
04	THPT Lý Thường Kiệt	040367	NGUYỄN VŨ HỒNG PHÚC	Nam	18/06/2006	8.90	8.70	8.80	8.20	8.65	5.00	6.25	4.50	0.00		35.65
04	THPT Lý Thường Kiệt	040368	TRẦN LÊ BẢO PHÚC	Nữ	05/03/2006	8.90	8.70	8.30	7.70	8.40	5.75	6.00	5.25	0.00		37.15
04	THPT Lý Thường Kiệt	040369	NGUYỄN HÀ NGỌC PHƯƠNG	Nữ	14/09/2006	8.90	9.20	8.80	8.00	8.73	5.75	7.75	7.50	0.00		43.23
04	THPT Lý Thường Kiệt	040370	NGUYỄN YẾN PHƯƠNG	Nữ	08/08/2006	8.60	9.10	8.50	8.20	8.60	5.75	4.25	4.50	0.00		33.10
04	THPT Lý Thường Kiệt	040371	TRẦN LƯU UYÊN PHƯƠNG	Nữ	17/07/2006	8.10	8.50	8.10	8.40	8.28	7.75	5.50	5.25	0.00		40.03
04	THPT Lý Thường Kiệt	040372	TRẦN THỊ MAI PHƯƠNG	Nữ	13/02/2006	9.40	9.20	9.30	8.90	9.20	8.25	7.00	6.00	0.00		45.70
04	THPT Lý Thường Kiệt	040373	TRẦN THỊ YẾN PHƯƠNG	Nữ	27/08/2006	7.10	7.90	7.80	8.10	7.73	7.25	6.50	8.00	0.00		43.23
04	THPT Lý Thường Kiệt	040374	HUỲNH NGUYỄN DUY QUANG	Nam	27/08/2006	7.80	8.40	8.00	7.70	7.98	5.25	6.50	4.75	0.00		36.23
04	THPT Lý Thường Kiệt	040375	MAI LÊ QUANG	Nam	13/10/2006	7.20	6.70	6.90	6.80	6.90	4.00	3.75	1.00	0.00		23.40
04	THPT Lý Thường Kiệt	040376	NGUYỄN ĐĂNG QUANG	Nam	20/08/2006	7.90	7.70	7.60	6.8							

04	THPT Lý Thường Kiệt	040400	NGUYỄN PHƯỚC SANG	Nam	19/06/2006	8.30	8.50	8.90	8.00	8.43	7.75	6.50	2.50	0.00		39.43
04	THPT Lý Thường Kiệt	040401	TẠ PHƯỚC SANG	Nam	18/12/2006	7.70	7.50	8.40	8.10	7.93	4.25	8.00	5.25	0.00		37.68
04	THPT Lý Thường Kiệt	040402	THÁI TRUNG SANG	Nam	10/03/2006	6.70	6.30	7.60	6.50	6.78	6.00	7.00	5.75	0.00		38.53
04	THPT Lý Thường Kiệt	040403	NGUYỄN THÀNH SÁNG	Nam	30/07/2006	8.60	8.90	9.00	8.80	8.83	6.00	8.00	5.00	0.00		41.83
04	THPT Lý Thường Kiệt	040404	HÀ TUYẾT SƯƠNG	Nữ	12/02/2006	8.80	8.60	9.00	8.50	8.73	6.25	8.00	5.25	0.00		42.48
04	THPT Lý Thường Kiệt	040405	HUỲNH TẤN TÀI	Nam	30/01/2006	8.50	8.40	8.60	8.30	8.45	6.50	8.00	7.50	0.00		44.95
04	THPT Lý Thường Kiệt	040406	NGUYỄN THÀNH TÀI	Nam	08/03/2006	8.30	7.40	8.40	7.60	7.93	5.75	7.00	3.75	0.00		37.18
04	THPT Lý Thường Kiệt	040407	PHẠM TẤN TÀI	Nam	16/03/2006	9.00	9.10	9.10	8.90	9.03	6.75	7.75	7.25	0.00		45.28
04	THPT Lý Thường Kiệt	040408	LÊ TRẦN BẮNG TÂM	Nữ	13/03/2006	9.60	9.30	9.40	8.90	9.30	7.25	7.75	5.25	0.00		44.55
04	THPT Lý Thường Kiệt	040409	LÊ TRẦN NGỌC TÂM	Nữ	07/01/2006	6.40	7.00	7.30	7.20	6.98	3.25	6.25	3.00	0.00		28.98
04	THPT Lý Thường Kiệt	040410	NGUYỄN NHẬT TÂN	Nam	15/10/2006	9.20	9.20	9.00	8.30	8.93	6.25	6.75	7.75	0.00		42.68
04	THPT Lý Thường Kiệt	040411	VÕ DUY TÂN	Nam	08/07/2006	8.20	8.30	8.20	8.30	8.25	5.75	5.50	6.50	0.00		37.25
04	THPT Lý Thường Kiệt	040412	VÕ LÊ QUANG NHẬT TÂN	Nam	14/08/2006	8.20	9.00	8.70	7.40	8.33	5.00	4.75	6.25	0.00		34.08
04	THPT Lý Thường Kiệt	040413	TRƯƠNG MINH TÂN	Nam	03/06/2006	7.10	6.30	7.30	7.20	6.98	2.25	3.75	4.00	0.00		22.98
04	THPT Lý Thường Kiệt	040414	CÁI QUỐC THÁI	Nam	24/05/2006	8.90	8.60	8.60	8.30	8.60	7.00	6.25	7.25	0.00		42.35
04	THPT Lý Thường Kiệt	040415	NGUYỄN LÝ NHỰT THANH	Nam	12/05/2006	8.80	8.70	8.90	8.40	8.70	5.75	8.00	7.00	0.00		43.20
04	THPT Lý Thường Kiệt	040416	THÁI THỊ KIM THANH	Nữ	10/02/2006	9.00	8.90	9.20	8.70	8.95	7.25	7.75	8.00	0.00		46.95
04	THPT Lý Thường Kiệt	040417	VƯƠNG THUY TRÚC THANH	Nữ	26/01/2006	8.30	8.60	8.40	8.00	8.33	7.50	6.25	3.50	0.00		39.33
04	THPT Lý Thường Kiệt	040418	ĐỖ VƯƠNG THÀNH	Nam	29/01/2006	8.40	7.80	8.00	7.70	7.98	5.75	7.25	5.75	0.00		39.73
04	THPT Lý Thường Kiệt	040419	HUỲNH THỊ KIM THẢO	Nữ	29/06/2006	9.20	9.00	9.20	9.30	9.18	5.50	8.00	6.75	0.00		42.93
04	THPT Lý Thường Kiệt	040420	HUỲNH THỊ THU THẢO	Nữ	08/08/2006	8.20	8.10	8.70	8.60	8.40	4.75	5.75	5.50	0.00		34.90
04	THPT Lý Thường Kiệt	040421	NGÔ THANH THẢO	Nữ	05/03/2006	8.80	7.80	7.90	7.60	8.03	3.50	5.50	4.50	0.00		30.53
04	THPT Lý Thường Kiệt	040422	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	29/09/2006	8.80	8.00	8.50	8.50	8.45	5.25	7.75	4.50	0.00		38.95
04	THPT Lý Thường Kiệt	040423	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	Nữ	21/05/2006	9.50	9.20	9.20	8.70	9.15	6.00	8.00	3.50	0.00		40.65
04	THPT Lý Thường Kiệt	040424	ĐƯƠNG THỊ HỒNG THẨM	Nữ	04/10/2006	9.10	9.10	9.10	8.90	9.05	7.25	8.00	5.25	0.00		44.80
04	THPT Lý Thường Kiệt	040425	ĐƯƠNG THỊ HỒNG THẨM	Nữ	19/02/2006	8.30	8.70	8.10	7.70	8.20	7.50	4.50	5.75	0.00		37.95
04	THPT Lý Thường Kiệt	040426	HUỲNH QUỐC THẮNG	Nam	21/03/2006	8.30	7.90	7.80	8.20	8.05	7.00	5.25	7.75	0.00		40.30
04	THPT Lý Thường Kiệt	040427	LÊ TÁT THẮNG	Nam	25/06/2006	7.70	7.70	8.00	8.40	7.95	6.00	6.75	7.50	0.00		40.95
04	THPT Lý Thường Kiệt	040428	NGUYỄN THỊ ANH THI	Nữ	29/12/2006	8.60	8.70	8.40	8.70	8.60	7.25	6.75	4.50	0.00		41.10
04	THPT Lý Thường Kiệt	040429	NGUYỄN THỊ YẾN THI	Nữ	22/03/2006	8.60	8.40	8.30	7.80	8.28	5.75	5.75	6.25	0.00		37.53
04	THPT Lý Thường Kiệt	040430	TRẦN NGUYỄN QUỲNH THI	Nữ	02/03/2006	8.90	8.40	8.80	8.10	8.55	5.75	4.00	4.25	0.00		32.30
04	THPT Lý Thường Kiệt	040431	ĐÀO DUY THÁI THỊNH	Nam	17/10/2006	8.20	8.00	7.90	7.90	8.00	7.00	7.00	5.00	0.00		41.00
04	THPT Lý Thường Kiệt	040432	ĐẶNG TRƯỜNG THỊNH	Nam	29/06/2006	8.60	8.40	8.50	8.20	8.43	7.25	7.00	5.50	0.00		42.43
04	THPT Lý Thường Kiệt	040433	LÊ PHƯỚC THỊNH	Nam	27/08/2006	7.50	7.40	8.10	8.00	7.75	5.00	5.50	7.75	0.00		36.50
04	THPT Lý Thường Kiệt	040434	MAI PHÚC THỊNH	Nam	21/11/2006	7.20	8.60	8.20	8.20	8.05	5.25	7.00	6.50	0.00		39.05
04	THPT Lý Thường Kiệt	040435	NGUYỄN PHÚC THỊNH	Nam	06/10/2006	7.50	7.70	7.50	7.50	7.55	5.00	6.75	3.75	0.00		34.80
04	THPT Lý Thường Kiệt	040436	NGUYỄN PHƯỚC THỊNH	Nam	07/05/2006	8.80	8.70	8.50	8.30	8.58	6.75	6.75	6.50	0.00		42.08
04	THPT Lý Thường Kiệt	040437	NGUYỄN TOÀN THỊNH	Nam	06/10/2006	7.60	8.10	7.30	7.10	7.53	6.50	5.50	6.00	0.00		37.53
04	THPT Lý Thường Kiệt	040438	PHẠM HÙNG THỊNH	Nam	23/05/2006	7.50	7.60	7.60	7.30	7.50	6.00	6.00	3.00	0.00		34.50
04	THPT Lý Thường Kiệt	040439	TRẦN HỮU THỌ	Nam	03/05/2006	8.30	8.70	8.80	8.10	8.48	6.00	6.75	6.00	0.00		39.98
04	THPT Lý Thường Kiệt	040440	PHAN THỊ THOA	Nữ	26/03/2006	5.70	7.00	6.40	6.70	6.45	3.00	2.75	3.00	0.00		20.95
04	THPT Lý Thường Kiệt	040441	NGUYỄN AN LINH THOẠI	Nữ	03/08/2006	8.00	8.30	8.50	7.70	8.13	6.25	3.75	4.25	0.00		32.38
04	THPT Lý Thường Kiệt	040442	NGUYỄN THỊ NGỌC THƠM	Nữ	29/08/2006	8.80	8.80	9.00	8.30	8.73	6.50	4.50	5.25	0.00		35.98
04	THPT Lý Thường Kiệt	040443	LÊ TRẦN MINH THUẬN	Nam	06/03/2006	6.30	6.40	6.30	5.90	6.23	5.00	3.00	3.00	0.00		25.23
04	THPT Lý Thường Kiệt	040444	HUỲNH HÙNG THUẬN	Nam	01/04/2006	8.50	8.20	8.30	8.00	8.25	6.75	8.00	6.25	0.00		44.00
04	THPT Lý Thường Kiệt	040445	NGUYỄN ANH THUẬN	Nam	13/10/2006	5.90	5.60	7.20	8.00	6.68	6.50	8.00	3.50	0.00		39.18
04	THPT Lý Thường Kiệt	040446	NGUYỄN HÙNG THUẬN	Nam	09/10/2006	7.20	7.90	7.50	6.80	7.35	5.00	6.00	7.50	0.00		36.85
04	THPT Lý Thường Kiệt	040447	NGUYỄN HUỲNH LONG THUẬN	Nam	09/10/2006	9.10	8.70	8.20	8.10	8.53	6.75	7.75	7.75	0.00		45.28
04	THPT Lý Thường Kiệt	040448	ĐƯƠNG THỊ KIM THUY	Nữ	25/10/2006	8.50	8.40	8.10	7.30	8.08	4.75	3.75	4.75	0.00		29.83
04	THPT Lý Thường Kiệt	040449	TRẦN THỊ THANH THUY	Nữ	05/10/2006	8.10	8.40	7.80	7.20	7.88	5.00	3.25	4.00	0.00		28.38
04	THPT Lý Thường Kiệt	040450	HUỲNH PHƯƠNG THUY	Nữ	29/12/2006	9.00	8.70	8.30	8.20	8.55	5.25	6.75	5.25	0.00		37.80
04	THPT Lý Thường Kiệt	040451	NGÔ THỊ MINH THUY	Nữ	16/02/2006	8.60	7.00	7.70	7.20	7.63	5.00	4.50	3.50	0.00		30.13
04	THPT Lý Thường Kiệt	040452	NGUYỄN THUY PHƯƠNG THUY	Nữ	10/02/2006	8.80	8.90	9.00	8.40	8.78	5.25	3.00	2.50	0.00		27.78
04	THPT Lý Thường Kiệt	040453	PHẠM THỊ PHƯƠNG THUY	Nữ	13/08/2006	7.90	6.50	7.80	7.20	7.35	3.75	4.00	1.00	0.00		23.85
04	THPT Lý Thường Kiệt	040454	ĐẶNG THANH THUY	Nữ	04/04/2006	8.80	8.90	9.00	8.90	8.90	8.25	7.00	7.00	0.00		46.40
04	THPT Lý Thường Kiệt	040455	BÙI THỊ ANH THU	Nữ	14/08/2006	7.80	8.40	8.50	8.70	8.35	6.50	7.00	5.75	0.00		41.10
04	THPT Lý Thường Kiệt	040456	ĐƯƠNG ANH THU	Nữ	31/01/2006	8.90	8.30	8.70	8.40	8.58	6.00	8.00	5.50	0.00		42.08
04	THPT Lý Thường Kiệt	040457	ĐẶNG ANH THU	Nữ	24/03/2006	9.20	9.20	9.30	8.80	9.13	6.25	7.50	5.75	0.00		42.38
04	THPT Lý Thường Kiệt	040458	ĐẶNG VÕ ANH THU	Nữ	09/07/2006	8.10	7.70	7.70	7.60	7.78	6.25	4.25	4.25	0.00		33.03
04	THPT Lý Thường Kiệt	040459	ĐOÀN THỊ ANH THU	Nữ	02/08/2006	8.00	8.50	8.60	7.90	8.25	7.25	7.50	2.75	0.00		40.50
04	THPT Lý Thường Kiệt	040460	HUỲNH NGỌC THU	Nữ	07/05/2006	7.20	7.30	6.50	5.50	6.63	2.50	1.75	3.50	0.00		18.63
04	THPT Lý Thường Kiệt	040461	HUỲNH THỊ MINH THU	Nữ	29/08/2006	8.40	8.20	8.10	7.80	8.13	5.25	4.25	2.50	0.00		29.63
04	THPT Lý Thường Kiệt	040462	LÊ MINH THU	Nữ	15/07/2006	9.00	8.20	8.10	7.30	8.15	5.75	5.25	3.50	0.00		33.65
04	THPT Lý Thường Kiệt	040463	LÊ MINH THU	Nữ	23/02/2006	9.40	8.90	9.10	8.70	9.03	7.25	7.00	8.00	0.00		45.53
04	THPT Lý Thường Kiệt	040464	LÊ NGỌC ANH THU	Nữ	16/07/2006	9.30	9.40	9.10	9.10	9.23	7.25	6.50	8.75	0.00		45.48
04	THPT Lý Thường Kiệt	040465	NGUYỄN ĐẶNG ANH THU	Nữ	16/12/2006	7.80	7.70	7.60	6.70	7.45	6.75	3.50	6.25	0.00		34.20
04	THPT Lý Thường Kiệt	040466	NGUYỄN HUỲNH MINH THU	Nữ	16/03/2006	9.30	9.40	9.10	8.50	9.08	8.00	5.00	3.00	0.00		38.08
04	THPT Lý Thường Kiệt	040467	NGUYỄN MINH THU	Nữ	05/09/2006	8.90	9.00	8.50	7.60	8.50	6.75	4.25	5.50	0.00		36.00
04	THPT Lý Thường Kiệt	040468	TỔNG MINH THU	Nữ	24/02/2006	9.20	9.10	9.00	8.40	8.93	7.25	7.00	7.00	0.00		44.43
04	THPT Lý Thường Kiệt	040469	TRẦN NGỌC ANH THU	Nữ	20/03/2006	7.60	8.10	8.10	7.10	7.73	6.00	3.25	2.50	0.00		28.73
04	THPT Lý Thường Kiệt	040470	VÕ MINH THU	Nữ	06/07/2006	8.00	8.50	8.60	7.80	8.23	6.00	5.00	3.00	0.00		33.23
04	THPT Lý Thường Kiệt	040471	TRƯƠNG HUY THỨC	Nam	31/10/2006	7.90	8.00	8.30	7.70	7.98	6.75	6.25	7.75	0.00		41.73
04	THPT Lý Thường Kiệt	040472	NGUYỄN HỒ NGỌC THY	Nữ	10/03/2006	8.80	8.30	8.40	7.80	8.33	5.75	5.25	5.00	0.00		35.33
04	THPT Lý Thường Kiệt	040473	TRẦN ANH THY	Nữ	26/09/2006	8.30	7.60	7.60	7.30	7.70	3.50	5.75	4.00	0.00		30.20
04	THPT Lý Thường Kiệt	040474	NGUYỄN THỊ CẨM TIỀN	Nữ	28/06/2006	8.40	8.20	8.30	8.30	8.30	7.00	6.00	6.75	0.00		41.05
04	THPT Lý Thường Kiệt	040475	NGUYỄN THỊ THUY TIỀN	Nữ	15/02/2006	8.90	8.70	8.80	8.50	8.73	7.00	4.50	2.50	0.00		34.23
04	THPT Lý Thường Kiệt	040476	TRẦN VÕ MỸ TIỀN	Nữ	14/10/2006	9.60	9.60	9.70	9.10	9.50	7.25	8.00	9.50			

qKetQua_HD_Export_Excel																
04	THPT Lý Thường Kiệt	040500	QUÁCH QUỲNH TRÂM	Nữ	22/03/2006	9.30	9.10	9.30	8.50	9.05	8.50	7.00	9.50	0.00		49.55
04	THPT Lý Thường Kiệt	040501	TRẦN LÊ NGỌC TRÂM	Nữ	21/04/2006	8.50	8.40	8.00	8.10	8.25	5.50	8.00	3.00	0.00		38.25
04	THPT Lý Thường Kiệt	040502	TRẦN THỊ KIM TRÂM	Nữ	21/12/2006	8.90	8.90	8.90	9.00	8.93	6.50	8.75	7.00	0.00		46.43
04	THPT Lý Thường Kiệt	040503	LÊ VÕ BẢO TRẦN	Nữ	09/04/2006	9.00	9.00	8.80	9.00	8.95	7.50	7.25	4.25	0.00		42.70
04	THPT Lý Thường Kiệt	040504	LŨ NGỌC BẢO TRẦN	Nữ	01/01/2006	8.20	8.10	8.30	8.00	8.15	4.25	3.50	3.25	0.00		26.90
04	THPT Lý Thường Kiệt	040505	NGUYỄN BẢO TRẦN	Nữ	12/11/2006	8.60	8.60	8.40	8.10	8.43	6.75	7.75	6.50	0.00		43.93
04	THPT Lý Thường Kiệt	040506	NGUYỄN ĐẶNG BẢO TRẦN	Nữ	15/03/2006	9.20	9.00	9.10	8.40	8.93	7.00	6.50	6.50	0.00		42.43
04	THPT Lý Thường Kiệt	040507	NGUYỄN MINH BẢO TRẦN	Nữ	08/09/2006	7.90	8.40	8.30	7.90	8.13	7.00	7.50	3.50	0.00		40.63
04	THPT Lý Thường Kiệt	040508	PHẠM THỤY THẢO TRẦN	Nữ	15/06/2006	8.90	8.80	9.00	8.60	8.83	8.00	6.00	6.75	0.00		43.58
04	THPT Lý Thường Kiệt	040509	TÔ NGỌC TRẦN	Nữ	19/03/2006	8.90	8.80	9.10	8.80	8.90	6.75	8.00	7.50	0.00		45.90
04	THPT Lý Thường Kiệt	040510	TRẦN PHẠM BẢO TRẦN	Nữ	28/11/2006	8.70	8.90	9.00	8.60	8.80	6.25	8.00	6.75	0.00		44.05
04	THPT Lý Thường Kiệt	040511	VŨ NGỌC HUYỀN TRẦN	Nữ	03/10/2006	8.10	8.00	8.50	8.10	8.18	5.00	4.00	4.25	0.00		30.43
04	THPT Lý Thường Kiệt	040512	ĐỖ NGÔ MINH TRÍ	Nam	27/08/2006	5.40	5.70	6.20	5.90	5.80	3.75	2.00	6.00	0.00		23.30
04	THPT Lý Thường Kiệt	040513	NGUYỄN MINH TRÍ	Nam	26/02/2006	6.50	8.00	7.60	7.50	7.40	4.75	3.50	2.50	0.00		26.40
04	THPT Lý Thường Kiệt	040514	NGUYỄN VĂN TRÍ	Nam	26/06/2006	9.30	9.20	9.00	9.10	9.15	7.00	8.50	9.50	0.00		49.65
04	THPT Lý Thường Kiệt	040515	TRẦN XUÂN TRÍ	Nam	14/06/2006	9.10	9.30	9.20	8.60	9.05	7.00	5.75	8.00	0.00		42.55
04	THPT Lý Thường Kiệt	040516	VŨ NHẬT TRÍ	Nam	08/07/2006	8.10	8.20	8.40	7.00	7.93	6.75	5.25	4.25	0.00		36.18
04	THPT Lý Thường Kiệt	040517	BUI VĂN TRIỂN	Nam	31/03/2006	9.40	8.90	9.30	8.70	9.08	6.25	8.00	6.50	0.00		44.08
04	THPT Lý Thường Kiệt	040518	NGUYỄN MINH TRIẾT	Nam	18/09/2006	9.00	9.20	9.10	8.50	8.95	6.50	7.50	7.50	0.00		44.45
04	THPT Lý Thường Kiệt	040519	NGUYỄN MINH TRIẾT	Nam	19/10/2006	8.10	8.80	8.80	8.00	8.43	5.50	3.00	4.25	0.00		29.68
04	THPT Lý Thường Kiệt	040520	NGUYỄN MINH TRIẾT	Nam	25/08/2006	7.60	7.60	8.40	7.90	7.88	6.50	4.25	5.25	0.00		34.63
04	THPT Lý Thường Kiệt	040521	ĐÀO LÊ TRINH	Nữ	18/01/2006	8.70	8.60	8.90	9.00	8.80	7.50	7.50	6.00	0.00		44.80
04	THPT Lý Thường Kiệt	040522	LÊ MAI TRINH	Nữ	10/04/2006	9.00	8.70	9.00	8.40	8.78	6.75	7.25	4.75	0.00		41.53
04	THPT Lý Thường Kiệt	040523	NGUYỄN LÂM YẾN TRINH	Nữ	05/11/2006	8.20	8.50	8.90	8.20	8.45	4.00	5.00	3.50	0.00		29.95
04	THPT Lý Thường Kiệt	040524	NGUYỄN TÚ TRINH	Nữ	22/05/2006	8.90	8.90	8.30	8.70	8.70	6.50	5.25	5.75	0.00		37.95
04	THPT Lý Thường Kiệt	040525	TRẦN THỊ THÙY TRINH	Nữ	25/06/2006	8.20	7.90	8.20	7.70	8.00	4.00	3.25	3.00	0.00		25.50
04	THPT Lý Thường Kiệt	040526	VÕ NGỌC PHƯƠNG TRINH	Nữ	04/12/2006	8.30	8.60	8.50	8.00	8.35	5.75	6.75	6.00	0.00		39.35
04	THPT Lý Thường Kiệt	040527	TRẦN MINH TRỌNG	Nam	05/02/2006	8.40	8.00	8.00	7.40	7.95	3.25	4.00	2.50	0.00		24.95
04	THPT Lý Thường Kiệt	040528	HUỲNH THANH TRÚC	Nam	25/03/2006	8.70	8.30	8.70	7.40	8.28	5.25	4.25	5.00	0.00		32.28
04	THPT Lý Thường Kiệt	040529	LÊ PHẠM THANH TRÚC	Nữ	24/07/2006	9.20	9.10	8.80	8.90	9.00	8.50	5.75	4.25	0.00	VS	41.75
04	THPT Lý Thường Kiệt	040530	NGUYỄN THANH TRÚC	Nữ	06/11/2006	8.90	9.00	8.90	9.20	9.00	7.50	6.50	8.00	0.00		45.00
04	THPT Lý Thường Kiệt	040531	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÚC	Nữ	28/11/2006	9.40	9.30	9.00	9.20	9.23	7.00	7.50	8.00	0.00		46.23
04	THPT Lý Thường Kiệt	040532	TRẦN NGỌC THANH TRÚC	Nữ	27/12/2006	9.00	8.80	9.00	8.40	8.80	6.00	7.00	6.25	0.00		41.05
04	THPT Lý Thường Kiệt	040533	CAO THÀNH TRUNG	Nam	01/06/2006	9.50	9.30	9.20	8.60	9.15	6.00	7.50	8.00	0.00		44.15
04	THPT Lý Thường Kiệt	040534	CHÂU BÁ TRỰC	Nam	14/06/2006	8.10	7.90	7.90	7.90	7.95	7.00	2.25	3.25	0.00		29.70
04	THPT Lý Thường Kiệt	040535	LÊ HOÀNG THAI TÚ	Nam	03/01/2006	8.30	7.70	7.40	7.00	7.60	5.75	2.00	5.00	0.00		28.10
04	THPT Lý Thường Kiệt	040536	NGÔ THỊ CẨM TÚ	Nữ	16/07/2006	7.70	7.50	8.10	7.40	7.68	7.00	5.00	4.00	0.00		35.68
04	THPT Lý Thường Kiệt	040537	PHAN NHẬT ANH TÚ	Nam	14/12/2006	9.00	9.20	9.00	8.90	9.03	7.50	6.00	7.25	0.00		43.28
04	THPT Lý Thường Kiệt	040538	HUỲNH QUỐC TUẤN	Nam	28/06/2006	8.30	7.60	7.30	7.10	7.58	6.25	2.75	3.50	0.00		29.08
04	THPT Lý Thường Kiệt	040539	LÂM DƯƠNG TUẤN	Nam	24/04/2006	8.40	8.80	8.70	8.20	8.53	6.00	7.25	6.00	0.50	DT	41.53
04	THPT Lý Thường Kiệt	040540	LÂM THAI TUẤN	Nam	02/03/2006	8.60	8.00	7.90	7.10	7.90	6.50	6.50	5.75	0.00		39.65
04	THPT Lý Thường Kiệt	040541	NGUYỄN GIA TUẤN	Nam	24/06/2006	7.90	8.00	8.70	8.50	8.28	4.75	6.50	6.75	0.00		37.53
04	THPT Lý Thường Kiệt	040542	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	Nam	06/11/2006	8.50	8.30	7.80	7.10	7.93	3.75	5.50	6.00	0.00		32.43
04	THPT Lý Thường Kiệt	040543	NGUYỄN HUỲNH GIA TUẤN	Nam	29/03/2006	6.20	7.70	8.40	8.40	7.68	7.75	5.25	3.50	0.00		37.18
04	THPT Lý Thường Kiệt	040544	NGUYỄN MẠNH TUẤN	Nam	09/10/2006	8.60	8.60	8.60	8.20	8.50	6.25	7.50	5.00	0.00		41.00
04	THPT Lý Thường Kiệt	040545	DƯƠNG NHƯ TUYỀN	Nữ	23/05/2006	8.70	8.30	7.10	7.20	7.83	4.75	3.50	4.50	0.00		28.83
04	THPT Lý Thường Kiệt	040546	HỒ THỊ NGỌC TUYỀN	Nữ	04/08/2006	9.10	8.90	8.80	8.20	8.75	4.75	4.00	2.50	0.00		28.75
04	THPT Lý Thường Kiệt	040547	LÊ THỊ NGỌC TUYỀN	Nữ	31/07/2006	9.10	9.10	8.90	9.10	9.05	7.00	7.25	5.50	0.00		43.05
04	THPT Lý Thường Kiệt	040548	NGUYỄN NGỌC TUYỀN	Nữ	29/06/2006	7.90	8.10	8.00	7.00	7.75	6.25	2.50	3.00	0.00		28.25
04	THPT Lý Thường Kiệt	040549	NGUYỄN THỊ MỘNG TƯƠI	Nữ	04/10/2006	8.50	8.40	9.00	8.80	8.68	8.50	8.00	7.50	0.00		49.18
04	THPT Lý Thường Kiệt	040550	ĐÀO CHÂU CÁT TƯỜNG	Nữ	10/08/2006	7.70	8.40	7.80	7.20	7.78	6.75	5.50	6.25	0.00		38.53
04	THPT Lý Thường Kiệt	040551	LÊ NGUYỄN LAN TƯỜNG	Nữ	12/10/2006	8.80	8.20	8.40	8.00	8.35	7.00	5.00	3.50	0.00		35.85
04	THPT Lý Thường Kiệt	040552	LƯƠNG THỊ THANH TƯỜNG	Nữ	10/05/2006	8.30	7.80	8.00	7.80	7.98	7.25	7.25	4.75	0.00		41.73
04	THPT Lý Thường Kiệt	040553	TRẦN NGỌC CÁT TƯỜNG	Nữ	21/10/2006	9.00	9.10	9.00	7.80	8.73	7.25	6.00	4.50	0.00		39.73
04	THPT Lý Thường Kiệt	040554	HÀ TRẦN BẢO UYÊN	Nữ	19/02/2006	9.00	9.30	9.50	9.50	9.33	7.50	8.00	9.00	0.00		49.33
04	THPT Lý Thường Kiệt	040555	NGUYỄN GIA UYÊN	Nữ	08/12/2006	8.30	7.90	8.60	8.40	8.30	6.25	7.25	6.50	0.00		41.80
04	THPT Lý Thường Kiệt	040556	NGUYỄN PHẠM HÀ MỸ UYÊN	Nữ	22/04/2006	7.90	7.90	8.40	7.40	7.90	5.75	4.50	3.25	0.00		31.65
04	THPT Lý Thường Kiệt	040557	NGUYỄN PHẠM NHƯ UYÊN	Nữ	24/10/2006	8.10	8.60	8.70	8.00	8.35	7.75	6.50	5.50	0.00		42.35
04	THPT Lý Thường Kiệt	040558	NGUYỄN THỊ THÚY UYÊN	Nữ	15/01/2006	7.50	7.10	7.50	6.40	7.13	5.50	3.00	3.25	0.00		27.38
04	THPT Lý Thường Kiệt	040559	PHẠM NGỌC PHƯƠNG UYÊN	Nữ	08/10/2006	9.20	9.50	9.30	9.30	9.33	8.75	8.00	9.50	0.00		52.33
04	THPT Lý Thường Kiệt	040560	LÂM NGUYỄN VĂN	Nam	23/01/2006	7.20	8.20	8.20	7.40	7.75	5.00	7.50	4.50	0.00		37.25
04	THPT Lý Thường Kiệt	040561	NGUYỄN THÀNH ANH VĂN	Nam	26/01/2006	8.30	8.50	8.40	8.00	8.30	7.00	7.50	5.00	0.00		42.30
04	THPT Lý Thường Kiệt	040562	DƯƠNG THỊ THANH VĂN	Nữ	29/11/2006	8.90	8.70	8.50	8.20	8.58	7.25	4.50	3.75	0.00		35.83
04	THPT Lý Thường Kiệt	040563	HUỲNH THANH VĂN	Nữ	03/06/2006	8.90	8.80	8.80	8.60	8.78	8.25	6.50	5.25	0.00		43.53
04	THPT Lý Thường Kiệt	040564	NGUYỄN THỊ THÚY VĂN	Nữ	25/12/2006	8.50	8.30	8.20	7.80	8.20	7.00	4.50	6.00	0.00		37.20
04	THPT Lý Thường Kiệt	040565	TRƯƠNG THẢO VĂN	Nữ	30/06/2006	8.40	8.70	8.60	8.00	8.43	6.25	4.00	4.00	0.00		32.93
04	THPT Lý Thường Kiệt	040566	LÊ VĂN VĨ	Nam	17/08/2006	9.20	9.30	9.30	9.10	9.23	8.50	8.00	9.50	0.50	VS	52.23
04	THPT Lý Thường Kiệt	040567	HUỲNH QUỐC VIỆT	Nam	18/05/2006	9.00	9.10	8.80	8.70	8.90	6.75	7.00	8.50	0.00		44.90
04	THPT Lý Thường Kiệt	040568	THẦN VĂN VIỆT	Nam	09/08/2006	7.70	8.20	8.40	8.00	8.08	7.00	7.25	3.25	0.00		39.83
04	THPT Lý Thường Kiệt	040569	NGUYỄN LỘC VINH	Nam	10/03/2006	7.80	7.50	7.20	7.40	7.48	4.50	1.75	3.25	0.00		23.23
04	THPT Lý Thường Kiệt	040570	NGUYỄN QUANG VINH	Nam	12/02/2006	8.20	8.90	8.80	8.00	8.48	6.25	5.00	6.00	0.00		36.98
04	THPT Lý Thường Kiệt	040571	LƯU NGUYỄN VŨ	Nam	06/03/2006	8.50	8.60	7.90	7.70	8.18	7.75	4.00	4.75	0.00		36.43
04	THPT Lý Thường Kiệt	040572	BUI MINH VY	Nữ	22/06/2006	7.00	8.00	7.70	6.70	7.35	6.75	5.75	3.50	0.00		35.85
04	THPT Lý Thường Kiệt	040573	ĐỖ THỊ HỒNG VY	Nữ	27/03/2006	9.00	8.90	8.90	8.50	8.83	6.50	6.00	3.25	0.00		37.08
04	THPT Lý Thường Kiệt	040574	LÊ NGUYỄN THẢO VY	Nữ	08/06/2006	8.20	8.20	8.00	7.10	7.88	1.75	6.00	3.25	0.00		26.63
04	THPT Lý Thường Kiệt	040575	LÊ NGUYỄN YẾN VY	Nữ	12/09/2006	9.50	8.70	8.60	8.20	8.75	5.50	5.00	6.25	0.00		36.00
04	TH															